

GẶP GỠ TUỔI TRẺ

Nói chuyện với sinh viên khoa Sư,
Đại học Sư phạm Vinh - 1999



HT Thiện Siêu

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 08-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

---o0o---

Hôm nay các bạn đến chùa. Chùa đối với Việt Nam chúng ta là một danh từ rất quen thuộc. Từ "Chùa" thường ghép với một từ đơn là "chiền". Từ kép gọi là "Chùa chiền". Cả hai từ này rất quen thuộc, bởi hiện tại trên đất nước chúng ta làng nào cũng có chùa. Ở Bắc, Trung, Nam đều có hết. Và chùa như là một bộ phận không thể thiếu của dân tộc Việt Nam. Như nhà thơ Huyền Không đã nói:

Quê tôi có gió bốn mùa,
Có trăng giữa tháng có chùa quanh năm.
Chuông hôm gió sớm trăng rằm

...

Mái chùa che chở hồn dân tộc.

Vì sao họ nói vậy? Vì Phật giáo truyền đến Việt Nam kể từ thế kỷ thứ nhất, lúc chúng ta đang còn lệ thuộc phương Bắc, chưa có một nền độc lập hoàn toàn tự chủ và vững chắc. Và chính các vị Sư thời ấy là những người bạn làng của nhân dân, giúp đỡ nhân dân; đem giáo lý từ bi, hỷ xả, bình đẳng, vị tha truyền bá cho nhân dân; giúp cho nền văn hóa của chúng ta mạnh lên, có một sắc thái để đứng vững trước sự đô hộ của phương Bắc để có thể giành được độc lập. Chính cái hồn dân tộc đó, nó còn mãi mãi trong lòng người

dân chúng ta. Cho nên dù trải qua bao nhiêu cơn sóng gió, khó khăn, cuối cùng chúng ta cũng giành được độc lập. Nhờ đó, chúng ta có những giai đoạn vong quốc nhưng không vong bản. Vong bản thì không có thể kéo lại được nhưng vong quốc thì có thể kéo lại được. Vì cái gốc đã mất rồi thì không làm sao mà kéo lại. Chính đó là một điều hết sức cần thiết mà bây giờ chúng ta nói: trở về với cội nguồn dân tộc. Mà khi trở về cội nguồn dân tộc thì chúng ta đọc trong lịch sử, trong văn hóa, các bản văn được truyền lại, chúng ta thấy những gì? Thấy những bản văn của các nhà trí thức yêu nước xưa, đồng thời chúng ta cũng thấy bản văn của các vị Thiền sư để lại.

Cái sự nghiệp gọi là tạo dựng nền văn hóa cho Việt Nam, chính các nhà sư xưa là những người đã đóng góp rất lớn. Đọc lịch sử Việt Nam mà nếu không đọc lịch sử Phật giáo Việt Nam thì không trọn vẹn. Cho nên với các bạn, tôi tin rằng, các bạn học sử Việt Nam, chắc chắn các bạn cũng đã đọc sử Phật giáo Việt Nam, mà càng đọc thì các bạn càng thấy rõ sự tương quan giữa lịch sử Phật giáo Việt Nam và lịch sử Việt Nam ta như thế nào. Nhất là đời Lý và đời Trần, là hai đời mà chúng ta thấy những ông vua phần nhiều là những đệ tử Phật, tin Phật một cách thuần thành, chơn chính đồng thời là những ông vua sáng suốt, hùng mạnh, vô úy; biết đem tinh thần của Phật áp dụng để được tự lợi, lợi tha. Cho nên các ông vua trong các triều đại đó đã có những đóng góp, xây dựng cho đất nước một nền độc lập hùng mạnh, vững chắc. Chúng ta biết rằng, sau một nghìn năm Bắc thuộc, là đến triều Lý, một triều đại dựng nước lâu bền nhất, trên 200 năm. Một lịch sử tốt đẹp vừa có sức mạnh đối bên ngoài, vừa có sự cai trị tốt lành đối với dân chúng bên trong. Và rồi từ triều Lý mới có được triều Trần nối tiếp, một triều đại chống cả Nguyên Mông - lúc bấy giờ là một lực lượng hùng cường, đi đến đâu người ta cũng khiếp sợ - nhưng đến Việt Nam, chúng ta đã đánh thắng được, giữ được độc lập.

Như vậy, chính những cái đó đã nói lên Phật giáo đối với dân tộc Việt Nam ta như thế nào!

Tôi muốn nói thêm với các bạn, trước hết là lược sử về chùa Từ Đàm này.

Chùa Từ Đàm được khai sáng vào khoảng năm 1690, tức là cuối thế kỷ thứ 17, đến nay trên 300 năm, lúc đang còn Trịnh, Nguyễn phân tranh.

Ngài Minh Hoàng Tử Dung - Một vị Thiền sư Trung Hoa, sáng lập ra chùa này. Đầu tiên Ngài đặt tên chùa là "Án Tông Tự". Ba chữ ở bảng hiệu phía trước mặt các bạn, đó là tên chùa do Ngài đặt đầu tiên.

"Án Tông" nghĩa là thế nào? "Án Tông" theo nhà Phật gọi là "đĩ tâm ấn vi tông", tức là lấy sự truyền tâm làm tông chỉ. Nhà Phật cốt ở cái tâm. Tâm mê thì làm việc trái; tâm ngộ thì làm việc phải. Mọi sự ở giữa đời này cốt ở cái tâm, do tâm chỉ huy. Vì vậy, vị Thiền sư này đã dùng hai chữ "Án Tông" để

đặt cho hiệu chùa. Đạo Phật chú trọng nơi "án tâm", cho nên đạo Phật gọi là đạo Giác ngộ cũng chính là nói cái tâm giác ngộ.

Đến thời Thiệu Trị, vua đặt thêm một tên khác cho chùa nữa, gọi là "Từ Đàm Tự". "Từ" là lành; "Đàm" là đám mây. Vậy Từ Đàm là đám mây lành, có ý tượng trưng cho đức Phật như đám mây lành che mát chúng sanh.

Chùa Từ Đàm lúc sơ khai chỉ làm bằng tranh, tre, nứa..., tồn tại lâu dài với một thời gian gần 300 năm. Trải qua bao thăng trầm thay đổi của lịch sử thì năm 1935, khi Phật giáo Việt Nam phục hưng sau bao năm bị phân hóa, tan rã, suy vi dưới thời Pháp thuộc. Cũng vào năm này, Phật giáo ba miền Bắc, Trung, Nam phục hưng. Khi Phật giáo phục hưng, ở miền Trung, lấy ngôi chùa Từ Đàm này làm trụ sở và kiến thiết lại quy mô, trở thành chùa Từ Đàm như ngày hôm nay.

Từ khi xây dựng ngôi chùa này cho đến nay đã có những sự kiện xảy ra. Điều thứ nhất là chùa được làm trụ sở chung cho cả Phật giáo miền Trung. Các tỉnh miền Trung mỗi năm về đây họp để vạch chương trình hoằng dương Phật pháp, phát huy Phật giáo. Điều thứ hai là, vào năm 1963, dưới chế độ ông Ngô Đình Diệm cai trị miền Nam; chính quyền này rất hung bạo và rất kỳ thị Phật giáo, chèn ép Phật giáo để tăng bốc một tôn giáo khác lên. Cho nên Phật giáo ở miền Trung này đã có một sự nổi dậy, gọi là "Cuộc vận động Phật giáo đòi quyền tự do bình đẳng tôn giáo", thì cũng phát xuất tại chùa Từ Đàm này. Chuyện này bây giờ đối với các bạn, nó đã trở thành chuyện dĩ vãng, bởi chuyện xảy ra từ năm 1963, chắc chắn trong này ít có bạn nào mà sinh trước năm 1963.

Tôi nói vài nét đặc trưng về lịch sử chùa như vậy để các bạn thấy sự ảnh hưởng Phật giáo tại Huế và tại miền Nam này như thế nào để có sự tham gia tốt lành của quần chúng như vậy. Nên lúc bấy giờ dưới thời chế độ độc tài Ngô Đình Diệm mà Phật giáo đứng lên chống lại, đó là một chuyện không phải dễ. Dựa vào đâu mà Phật giáo dám chống đối như vậy? Tất nhiên là phải có quần chúng ủng hộ. Mà Phật giáo có rất nhiều quần chúng, có ảnh hưởng rất lớn đến quần chúng, vì quần chúng tìm thấy cái gì hay, đúng đắn ở đó đối với đạo giáo, với tín ngưỡng, với tri thức luân lý và đối với dân tộc, cho nên mới có một sự đứng dậy như vậy.

Đó là tôi nói một vài nét về sự ảnh hưởng của Phật giáo ở miền Trung và miền Nam trong những năm vừa qua như thế nào cho các bạn biết. Bây giờ tôi nói tiếp đạo Phật là đạo thế nào?

Đạo Phật phát xuất từ Ấn Độ. Cuối thế kỷ thứ VI trước Tây lịch, tại Ấn Độ, xứ Ca-tỳ-la-vệ, nay tức là xứ Népal, có một vị hoàng tử ra đời, tên là Tất-đạt-đa, con vua Tịnh Phạn. Ngài là một vị hoàng tử sẽ làm vua nhưng Ngài không làm. Bởi vì Ngài thấy làm vua thì cũng rất lợi, nhưng chỉ lợi cho dân tộc Ấn Độ mà thôi. Cho nên Ngài không muốn làm hoàng tử, làm vua, mà

Ngài muốn làm một đấng Giác ngộ, tìm ra một phương pháp để cởi mở sự vô minh, đen tối của con người, để cứu vớt chúng sanh. Trong khi mới hạ sinh, Ngài đi bảy bước trên hoa sen, đưa một tay chỉ trời, một tay chỉ đất và nói rằng: "Trên trời dưới trời chỉ có Ta là tối thượng". Ngài nói câu ấy là ý nghĩa thế nào? Có hai ý nghĩa chính:

1. Người Ấn Độ thời bấy giờ, đa số theo Bà-la-môn giáo, họ tin tưởng rằng, người nào sinh ra ở dưới trần mà có trí tuệ, thông minh, học giỏi thì họ cho đó là người được Phạm thiên sai xuống. Họ tin tưởng như thế. Bấy giờ Phật không tin tưởng điều đó. Phật muốn phá sự sai lầm đó của mọi người nên Ngài nói: "Trên trời, dưới trời chỉ có Ta là tối thượng". Nghĩa là không có Thượng đế nào sinh ra Ta, không có đấng tạo hóa nào sinh ra Ta. Chỉ có Ta là tối thắng.

2. Câu này còn có nghĩa là, cuộc sống chết của Ta đều do Ta quyết định. Cuộc đời của Ta như thế nào; sướng hay khổ; giàu hay nghèo; sang hay hèn... tất cả đều do Ta quyết định. Cho nên sau này Phật có dạy rằng: "Không cha mẹ, trời đất hay ai làm cho Ta cao thượng hay thấp hèn, chỉ có hành động của Ta làm cho Ta cao thượng hay thấp hèn mà thôi; không phải ai khác làm cho Ta ô nhiễm hay trong sạch, mà chỉ do Ta làm cho Ta ô nhiễm hay trong sạch mà thôi".

Đó là ý nghĩa chính, mà đức Phật nói trong câu: "Trên trời, dưới trời chỉ có Ta là tối thượng". Ngài muốn khai thị cho chúng ta rằng, mọi việc trên cuộc đời này là tự mình làm, tự mình quyết định lấy cuộc đời của mình. Sau này, giáo lý của đức Phật luôn nhắm theo hướng đó; nhắm theo hướng nhắc nhở chúng sanh phải tự giác ngộ lấy mình. Nếu không tự giác ngộ lấy mình, thì bao nhiêu tật xấu sẽ dấy dần, chỉ huy, chỉ phối làm cho chúng ta trở nên xấu xa, ngu muội.

Tại sao chúng ta cũng như tất cả chúng sanh xấu xa, ngu muội, chưa thể giác ngộ? Trong các nguyên nhân đức Phật đã dạy, thì có ba nguyên nhân chính mà đức Phật gọi là ba thứ độc. Đó là: tham, sân và si.

Tham là sự đam mê, ham muốn; sân là sự thù hận, hung dữ, ghen ghét; si là sự ngu muội. Trong ba thứ đó không ai mà chẳng có. Chính ba thứ này là nguyên nhân, là tai hại mà nếu như chúng ta không sửa nó, thì nó sẽ làm cho tiêu tan mất sự nghiệp của chúng ta, làm cho con người thấp hèn, bị hạ giá, bị sa đọa... Cho nên Phật dạy phải trừ ba độc đó đi.

Muốn trừ ba thứ đó, muốn chỉ cho chúng sanh sự tai hại của nó, nên trong bài giáo lý mà đức Phật thuyết lần đầu cho hàng đệ tử của mình sau khi Ngài thành đạo, gọi là sơ Chuyển pháp luân, đức Phật đã dạy về Tứ diệu đế mà chắc chắn các bạn đã từng học hoặc nghe đến danh từ này, trong đó Ngài dạy về sự thật thứ nhất, gọi là Khổ đế: Đời là khổ. Một bài thuyết pháp mà bây giờ những nhà trí thức khi nghiên cứu Phật giáo rất thán phục.

Đời là khổ. Nói như vậy, có những người mới nghe thì chối tai lắm. Đời tại sao gọi là khổ được? Có nhiều chuyện vui lắm, có sao gọi là khổ?

Đức Phật nói đời là khổ có nhiều thứ, như: Sự sống là khổ; già là khổ; chết là khổ. Người nào mà mình ưa thích, vật nào mình ưa thích mà bị xa lìa thì khổ. Người nào mà mình oán hận, cái vật gì mà mình không ưa mà bị gặp mãi, đụng đầu mãi cũng khổ. Sự mong cầu mà bị thất vọng không đạt được cũng khổ. Chính những cái khổ đó tôi thiết tưởng rằng, trên đời này không ai dám nhận rằng tôi không có các khổ đó. Người giàu tới mấy, đau có thuốc chữa, đủ mọi thứ; ở trong nước chữa không được, đi ra ngoại quốc chữa, nhưng anh ta không thể chữa hết cái đau của anh được. Dù cố ý chữa cũng không thể khỏi cái đau được, như đau chân, bị cưa chân, nhất định là khổ. Bị mổ ruột là khổ. Già bị lắm cảm là khổ. Không muốn chết mà phải chết là khổ. Đó là cái khổ hiển nhiên chứ không ai có thể nói đó là sướng được.

Rồi đến những điều yêu thích. Những điều đó không nằm luôn trong bàn tay ta được, thế nào cũng có lúc bay đi. Chính bản thân chúng ta là vật yếu quý nhất, nhưng nó cũng vượt đi. Thì đó là một sự ái biệt ly khổ, điều ta yêu quý nhưng phải xa lìa là khổ. Rồi những điều ta ghét, tức là điều ta không ưa, ta chê, ta mắng mà nó cứ sừng sững đi đến. Những điều thất bại, ta không ưa, những người ta ghét bỏ, ta không thích gặp, thế mà vẫn gặp, tránh ngả nào cũng không xong. Quả thật là khổ. Vậy thử hỏi có ai trong chúng ta trên cuộc đời không có những thứ khổ đó? Không nhiều thì ít, không ai tránh được. Cho nên, đức Phật tổng kết lại: đời là khổ.

Đời là khổ. Đó là khởi điểm để cho cuộc hành trình đi tìm giác ngộ giải thoát của đức Phật. cũng y như nói tám thân nô lệ, đó là khởi điểm cho những nhà đi làm cách mạng tiến tới nền độc lập tự do. Nếu không nhận thức rằng mình là con người bị nô lệ thì sẽ không có ai làm cách mạng hết. Cả hai việc trên đều như nhau. Có người chưa hiểu kịp, nói đạo Phật là đạo bi quan, yếm thế, mở miệng là nói khổ. Nhưng cái khổ của đạo Phật nói là khởi điểm để đi tìm giác ngộ. Có một ký giả phỏng vấn một vị Tăng Tây Tạng tên Dagpo Rimpoche, có tiếng là một trí thức, đồng thời cũng là một giáo sư về văn hóa Tây Tạng ở Đại học Pháp. Câu hỏi mở đầu về chữ khổ:

- Các tôn giáo Thiên Chúa gán cho sự khổ của một giá trị cứu rỗi. Người ta giải thích rằng khổ giúp ta đạt đến một tương lai tốt hơn.

- Trả lời: "Phật giáo không nghĩ như vậy. Đối với Phật giáo, khổ không bao giờ được xem như hoặc được trình bày như một giá trị. Khổ là cái phải diệt nó. Tất nhiên, phải thực tế: ai cũng nằm dưới luật khổ. Thế thì, thay vì để cho khổ dẫm nát, ta hãy dùng khổ để vươn lên, dùng khổ như là một khí cụ để học cách hiểu mình hơn và hiểu người khác hơn. Sửa đổi bên trong của mình toàn vẹn, lìa ra khỏi khổ, điều đó rất cần thiết để phát triển từ bi và có

lẽ sau đó một thái độ vị tha giúp người khác thoát khổ. (Theo lời GS. Cao Huy Thuần trích từ tạp chí Pháp: Express 307/5.8.1998).

Những cái khổ đó có rất nhiều nguyên do, nhưng lý do chính vẫn ở nơi lòng ta mà ra, chính chúng ta; đức Phật nói do tham ái, tham dục. Tham ái, tham dục, nói cách khách quan có nghĩa là đam mê cờ bạc, đam mê rượu chè, đam mê sắc dục, đam mê của cải, đam mê quyền lực... Bao nhiêu cái đam mê đó nó dày vò trong lòng mọi người.

Người đam mê cờ bạc, thấy sự đam mê cờ bạc không thỏa mãn được, không vui được thì chạy sang đam mê sắc dục. Thấy sự đam mê sắc dục không thỏa mãn, không vui được, thì chạy sang đam mê quyền lực. Lại cũng thấy không thỏa mãn không vui được, thì chạy sang đam mê khác, cuộc đời của một người với bao nhiêu đam mê như vậy, chắc chắn là một cuộc đời sa đọa, một cuộc đời gây nên tội ác. Vì những sự đam mê đó, cầu cho thỏa mãn đam mê; muốn thỏa mãn đam mê không phải là một chuyện dễ. Không phải là ta đam mê một cái gì là đều đạt được cái đó. Không phải là chuyện dễ nên ta mới đi tìm, tìm cách này không được ta tìm cách khác. Từ con người đang tốt trở nên con người xấu, ăn cắp ăn trộm, ăn hối lộ, bán hàng giả v.v... Thường thường, vì sự đam mê đó cho nên người ta nhiều khi tranh nhau, lừa gạt nhau, so bì nhau mua nhà, sắm xe... Vì sự đam mê đó mà làm cho tâm niệm tối tăm, cái lòng từ bi sáng suốt thu hẹp lại hoặc bị mất đi. Vì vậy đức Phật nói sự đam mê tham dục là nguồn lực chính, cơ bản nhất của sự đau khổ.

Cụ Nguyễn Du có nói: "Tu là cội phúc, tình là giây oan". "Tình" đây không chỉ là tình ái, mà "tình" đây còn chỉ mọi sự đam mê đó.

Chúng ta biết rằng, những sự đam mê đó gây biết bao nhiêu tai hại, khổ sở ở giữa xã hội, ở giữa hàng thanh niên, ở giữa học đường... Cho nên đức Phật nói chính sự đam mê tham dục là nguyên nhân gốc rễ của đau khổ. Vậy, muốn trừ đau khổ thì trước hết chúng ta phải trừ đam mê ấy. Khi chúng ta đã trừ hết đam mê ấy rồi, thì tâm của chúng ta sẽ sáng suốt, chúng ta sẽ nhận thức được những việc của mình làm như thế nào cho có lợi, như thế nào cho đừng thất nhơn ác đức, như thế nào cho đừng gây thêm tai họa cho người khác. Nếu chúng ta tối mắt chạy theo cái đam mê đó, thì chúng ta trở nên bị tha hóa, không làm chủ được mình nữa. Một người say rượu, khi đó rượu làm chủ; một người mê cờ bạc, dục, khi đó sắc dục làm chủ, bị tha hóa, mất tự chủ.

Lại nữa, đức Phật còn nói sự đau khổ vì do vô minh (Vô minh chắc các bạn học triết cũng đã biết). Nếu phá hết vô minh thì được giác ngộ, khi giác ngộ thì hết đau khổ.

Vô minh như thế nào? Sự vật trước mặt ta rõ ràng như thế đó mà ta không nhận ra thực tướng của nó, lại nhận khác đi, đó gọi là vô minh. Hiểu một cách sai lầm, nhà Phật gọi đó là vô minh. Ví dụ, bây giờ đây tôi đưa ngón

tay, xin hỏi các bạn ngón tay này dài hay ngắn? Chắc chắn không ai nói được. Có đậu mấy bằng Tiên sĩ cũng chịu thôi, không nói được. Nhưng nếu tôi đem một cây diêm để so sánh, thì chúng ta sẽ nói ngón tay dài. Đem cây thước để so sánh thì ta sẽ nói ngón tay ngắn. Dựa nơi cây thước mà nói ngón tay ngắn, chứ vốn ngón tay có dài có ngắn không? Không dài không ngắn. Dài ngắn như vậy, tốt xấu như vậy, đen trắng như vậy, hơn thua như vậy, cao thấp... cũng đều như thế ấy. Như vậy, sự thật của sự vật là gì? Sự thật của sự vật là không dài không ngắn, sở dĩ có dài có ngắn là tại vì người này đem diêm so với ngón tay của người này nói dài; người kia đem thước để so thì người kia nói ngắn. Thế rồi một người cho là ngón tay ngắn, một người cho là ngón tay dài. Người này cho mình phải, người kia sai; người kia cho mình phải, người này sai. Cả hai không chịu thua ai, cãi qua cãi lại, cuối cùng sinh ra đánh lộn nhau. Đánh lộn nhau vì sao? Vì vô minh? Vô minh là sao? Là vì ngón tay nó không ngắn không dài, nhưng cứ đem tâm so sánh ngón tay với cây diêm, ngón tay với cây thước, bóp méo tướng ngón tay theo ý mình, quyết chắc cho thế là chơn tướng nên sinh ra đánh lộn nhau. Đánh lộn nhau là vô minh. Chuyện rõ ràng, sờ sờ trước mắt thế mà ta nhận không ra, thì đạo Phật gọi là vô minh.

Hoặc tỷ dụ, ta tên là A. thật ra tên đó khi cha mẹ sinh ra chưa có. Cha mẹ chỉ sinh ra cục thịt chứ không có A, B gì hết. Nhưng đến khi đặt tên A, lúc đầu ta không chấp nhận, có người nào gọi ta là A thì cũng bỏ lơ. Nhưng đến khi bỏ lơ không được, bỏ lơ thì bị đánh. Vì vậy, khi gọi tên A thì ta chấp nhận liền, từ đó người ta gọi A mãi. Nên ta cứ đinh ninh ta là A, A là ta, đồng hóa ta với A làm một. Khi đồng hóa ta với A làm một rồi, bây giờ ở trong nhà nghe người nào đi ngoài đường gọi tên A lên để mắng chửi, thì thấy khổ vô cùng. Hoặc có người nào đi ngoài đường gọi tên A lên mà ca ngợi, thì thấy vui sướng lắm. Lúc đầu cha mẹ đặt tên A, thì lúc đó ai muốn khen chê gì cũng mặc, ta không sướng không khổ gì hết. Nhưng khi ta đồng hóa tên A là ta, ta là A rồi, ai khen A thì sướng lắm, ai chê A thì khổ lắm. Họ khen chê tên A không thôi chứ không đụng gì tới thân thể, họ khen chê cái tên, một cái hư danh thôi nhưng mà sướng lắm, khổ lắm. Nếu như ta biết suy nghĩ một chút, tên A là một tên giả tạo, chắc gì chỉ có ta mới có tên A? Tên A có rất nhiều người. Người đó có thể khen A khác, chứ đâu phải khen A này đâu mà sướng! Chê A khác chứ đâu phải chê A này đâu mà khổ! Thế nhưng ta cứ níu tên A vào ta, ngoài ta không có ai tên A nữa hết. Nên nghe khen là sướng, nghe chê là khổ, có phải vô minh không?

Lúc đức Phật còn tại thế, một hôm Ngài dẫn một đoàn đệ tử đi trên đường. Đi sau Ngài có hai thầy trò ngoại đạo tên Phạm-ma-đạt. Thầy thì dùng mọi lời lẽ xấu xa, chỉ trích, chê bai Phật, chê bai đệ tử Phật; còn người học trò thì dùng mọi lời lẽ hay ho khen Phật, khen đệ tử Phật. nhưng Phật vẫn làm thính

không nói gì cả. Đến khi về tỉnh xá thụ trai xong, các vị đệ tử ngồi lại bàn tán: họ khen chê như vậy mà đức Thế Tôn có nghe hay không! Nếu Ngài có nghe thì tại sao Ngài lại làm thinh, không nói gì cả? Chúng đệ tử thắc mắc. Đức Phật đi ngang qua nghe được liền hỏi các thầy bàn tán chuyện gì. Các thầy trả lời Phật: Các con bàn chuyện khi nãy. Có hai thầy trò ngoại đạo Phạm-ma-đạt đi sau lưng, người thầy thì chê mà người trò thì khen. Không biết đức Thế Tôn có nghe không mà không thấy Ngài nói gì cả. Phật dạy: "Đừng, khi nghe ai khen chớ vội mừng, vội mừng thì bị sa đọa; khi nghe ai chê chớ vội buồn, vội buồn thì bị sa đọa. Bình tĩnh xét người khen đó có đúng với ta hay không đúng với ta". Sự bình tĩnh đó quan trọng lắm. Có bình tĩnh thì mới sáng suốt, có bình tĩnh mới đối phó đúng đắn, nếu không có sự bình tĩnh, thì chúng ta sẽ xử sự sai.

Thành thử đức Phật ra đời cốt là để khai thị cho chúng sanh những cái gì thấy trước mắt phải hiểu cho rõ, nhận thức cho đúng. Phải thay đổi cách nghĩ sai lầm đối với sự vật. Khi đã hiểu rõ, nhận thức đúng rồi thì ta sẽ có sự xử sự đúng. Xử sự đúng thì bao giờ cũng đem tới an vui lợi lạc. Lợi ích của đạo Phật là vậy. Người theo đạo Phật hiểu chừng nào, thực hành chừng nào thì càng thấy sự vui vẻ chừng đó.

Chính đức Phật là người đã tự giác. Giáo lý của Ngài đã dạy chúng ta sự tự giác, nhắc chúng ta phải làm chủ lấy mình, nhìn lại lòng mình, từng hành động của mình trong từng ngày, từng giờ có đam mê điều gì xấu xa, điều gì u tối, điều gì độc ác hay không, nếu có thì trừ diệt đi. Tự soi lại trong lòng mình ngày nay có được điều thiện nào không, có nghĩ được điều tốt điều hay nào cho ai không? Nếu chưa có thì cố gắng phát huy. Nếu mỗi ngày mà mình tự tin, phân tỉnh lại mình như vậy (tự giác) thì chắc chắn chúng ta sẽ trở thành một con người sáng suốt, một con người hiền lành; con người có đạo đức. Nếu thiếu sự tự giác đó, thì tất nhiên chúng ta sẽ sa đọa mãi, mà khi đã sa đọa rồi thì không thể làm lợi cho ai được hết. Đạo Phật được gọi là đạo Giác ngộ cũng vì vậy: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Những người đến với Phật giáo, nhất là những người đã thấm nhuần giáo lý đạo Phật, người ấy sẽ thấy rằng, đến với Phật giáo thì tâm hồn ta sẽ mở rộng thêm chứ không phải thu hẹp lại; tâm hồn ta sẽ sáng lên chứ không tối tăm lại; tâm hồn ta sẽ hiện ra chứ không phải độc ác. Đến với đạo Phật mà nếu ta đến với một sự chân thành và hiểu rõ, cộng với lòng ưa thích giáo lý của đức Phật, tất nhiên ta sẽ trở nên con người tốt.

Tôi mong rằng các bạn hiểu điều này để chúng ta tự giác tỉnh. Trong đạo Phật có một phép Thiền định để tu luyện tâm tính. Thiền là gì? Thiền là tập trung tư tưởng. Tâm của chúng ta bây giờ đây nó chạy bậy đủ thứ. Khi tâm như vậy thì làm một bài tập thấy đã khó. Vậy nên các bạn phải tập trung tư tưởng lại, không cho tư tưởng chạy qua việc khác, mà phải tập trung vào bài

tập đó. Chính sự tập trung này đạo Phật gọi là Thiền. Tham thiền (ngồi thiền) tức là ngồi định lại, yên lặng gom tất cả tư tưởng chạy loạn của mình có sức tự chủ. Luyện tâm mình như người luyện võ, một anh luyện võ, người đó luyện một cách thuần thực, tuyệt diệu rồi, thì khi bị đánh sau lưng anh đỡ sau lưng; đánh trước mặt anh đỡ trước mặt. Khi ta có được cái tâm tự chủ định rồi, thì trước mọi hoàn cảnh đều có thể bình tĩnh đối phó được hết. Còn nếu như không, nhiều khi người ta vô tình nói lỡ một câu nói trái ý, thì đã lồng lộn lên, và căm tức suốt mấy ngày. Vô tình mình mang lại cái khổ cho mình, mà không tự biết, ngủ không được, ăn không ngon. Nếu như ta không có một sức bình tĩnh tự chủ thì ta sẽ đối phó sai lầm, đối phó sai lầm là đau khổ. Nếu ta có một sức tự chủ, nhận xét, thì trước mọi sự ta sẽ sáng suốt để đối phó. Đó là điều mà tôi muốn nhắc nhở các bạn luôn luôn tự giác, mà muốn tự giác thì ta phải tập thêm một tính tự tin. Mỗi ngày nên để mười lăm hoặc hai mươi phút để ngồi lại, ngồi lắng lòng lại, gạt tất cả những chuyện hơn thua, hay dở, được mất ra ngoài ý nghĩ, gạt hết tất cả để cho tâm hồn của chúng ta được bình an, định tĩnh một lúc.

Nếu muốn dễ dàng hơn nữa thì các bạn chú ý nơi hơi thở ra vào. Đức Phật có phép quán gọi là Sổ tức quán. Là đếm hơi thở ra vào, theo dõi hơi thở ra vào. Bởi vì trong người của chúng ta con mắt có khi nhắm lại, lỗ tai có khi không nghe, cái chân cái tay có khi không cử động chứ còn hơi thở lúc nào vẫn có. Ngủ cũng thở, thức cũng thở, ăn cũng thở, thậm chí khi cãi lộn cũng thở... Vì vậy, đức Phật dạy chú định tâm nơi hơi thở, khi tâm chú định nơi hơi thở, chúng ta có được một sức mạnh rồi, thì khi đó y như ngọn đèn có một cái bóng che chở thì ngọn đèn đó mới sáng soi, sự vật mới rõ, chứ còn ngọn đèn để trước gió, chao qua liệng lại thì vật gì cũng chỉ thấy lơ mờ, không rõ.

Ý nghĩa ở trong nhà Phật dạy chữ "tự giác" tức là dạy chúng ta điều đó. Muốn có tự giác thì hằng ngày phải để dành một thì giờ thật yên lặng. Trong giờ phút ấy không để chuyện gì vương trong đầu hết, phải giữ cho tâm thật yên lặng, sáng suốt. Thân bình lặng, tâm bình lặng thì dễ sáng suốt.

Đó là tôi nói những khái quát căn bản về đạo Phật cho các bạn thấy. Bây giờ tôi nói tiếp Phật giáo đối với dân tộc Việt Nam ta như thế nào.

Nói đến đạo Phật hay Phật giáo, thì đối với những người đã học nhiều về lịch sử Việt Nam, lịch sử Phật giáo Việt Nam, họ thường có câu nói: "Đạo Pháp và Dân tộc". Vì sao nói vậy?

Nói Đạo pháp và Dân tộc tức là muốn nói sự gắn liền, sự hòa nhập của đạo Phật vào trong dân tộc Việt Nam. Như trên tôi đã nói, đạo Phật đã ăn sâu và bám gốc rễ vào dân tộc Việt Nam trên hai nghìn năm nay nên những đặc tính của Phật giáo đã thấm vào da thịt của mỗi người dân, đến nay vẫn còn ngấm ngấm tồn tại ở trong đó. Ngày nay mặc dù có nhiều người đi chùa, lạ

Phật thì lạy chứ không hiểu Phật là sao, lời của Phật dạy thế nào. Nhưng họ vẫn đi chùa, vẫn lạy Phật, là vì sao? Vì sao mà lạy? Một là vì truyền thống từ xưa đã huân tập thành chúng tử ở trong máu huyết của dân tộc ta. Hai nữa là vì cái tình cảm, cái sự đối đãi của Phật giáo đối với dân tộc này có một sự hòa điệu. Đạo Phật đi đến với Việt Nam chúng ta một cách hiền lành, như người bạn quý đến với nhau, không có một cái gì mưu mô, thủ đoạn, hung dữ. Dân tộc chúng ta đã tiếp nhận đạo Phật và đạo Phật đã hòa nhập vào dân tộc chúng ta một cách êm thấm, và đã góp sức xây dựng cho nền độc lập vinh quang của Việt Nam. Thế nên, ngày nay trong máu, trong tâm, trong truyền thống gia tộc của chúng ta có không ít thì nhiều, không nhiều thì ít cái mầm Phật giáo trong đó. Cho nên, từ chỗ đó nếu như chúng ta đến gần hơn để tìm hiểu đạo Phật nhiều hơn nữa, thì chúng ta sẽ thấy ngày trước Tổ tiên chúng ta theo đạo Phật rất có ý nghĩa, các Ngài không phải tầm thường. Cũng vì sự theo đó nên trên nền lịch sử Việt Nam, đạo Phật đã đóng góp một phần rất lớn, rõ rệt nhất là hai đời Lý, Trần mà bây giờ đây trong văn hóa, trong nếp sống và trong phong tục tập quán của dân tộc Việt Nam đã bàng bạc ý nghĩa cũng như tinh thần Phật giáo. Đó là một ảnh hưởng lớn, mà những người nào đã đến với Phật, chắc chắn đã hiểu rõ.

Tháng 3 vừa rồi trong buổi liên hoan phim Truyền hình tại Huế, có một nhóm phóng viên truyền hình đã thực hiện một cuốn phim đề tài là "Nét đẹp chùa Huế", được giải huy chương bạc. Trước đó họ đến chùa quay phim, có hỏi tôi đạo Phật ảnh hưởng đến quần chúng như thế nào và động cơ nào đạo Phật cuốn hút được nhiều tín đồ đến với chùa như vậy. Tôi nói, sự ảnh hưởng của đạo Phật cũng như những người đến với đạo Phật, như thế này: Bởi từ xưa đến nay, người ta tin tưởng đạo Phật là đạo Từ bi, là đạo hiền lành, đạo vị tha và là đạo hòa bình... Vì sự tin tưởng đó, cho nên khi đến chùa, tự nhiên cảm thấy mình gần với đức Phật. Đó là điều thứ nhất. Điều thứ hai là cảnh trí chùa chiền luôn luôn trang nghiêm, thanh tịnh, ở đó không có sự giành giật, mưu mô; không có sự lấn ép, dối gạt. Chính những tinh thần đó bàng bạc trong cảnh chùa, ngấm ngấm nơi cây cỏ. Nên những người sẵn có thiện tâm khi đến cảnh chùa thấy tâm hồn mình khỏe khoắn, thanh thản. Có giận hờn ở bên ngoài bao nhiêu đi nữa, nhưng đến chùa tự biết rằng, đức Phật là từ bi, nhân nhục, dạy con người từ bi nhân nhục. Tự nhiên người ta cảm nhận được điều đó, mà sự thù hằn lúc ấy cũng vơi bớt đi. Ở ngoài tham lam đến mấy độc ác đến mấy mà người ấy đến chùa biết đó là chỗ từ bi, hỷ xả, thì thế nào tâm hồn họ cũng nhẹ bớt chuyện tham lam độc ác ấy đi. "Gần mực thì đen; gần đèn thì sáng", đó là lẽ tất nhiên.

Và lại, có những người khi thấy lòng mình bận rộn, bứt rứt, phiền não, họ liền tìm tới chùa. Nhìn Phật cũng được, lạy Phật hoặc không lạy cũng được, ngồi bên gốc cây hoặc ở một nơi nào đó, lắng lòng ngồi im lặng, liền tự thấy

lòng mình an. Đó cũng là một lợi ích rất lớn. Lúc có những điều trong lòng bứt rứt, rối rắm, bất an, thì chính những lúc đó, tiền bạc không làm cho an được, mà chỉ có tinh thần vô ngã vị tha, tinh thần từ bi hỷ xả phá chấp của đức Phật mới đem lại sự an lòng cho ta. Do đó, nhiều người đến với Phật, tự nhiên thấy lòng mình nhẹ nhàng, an lạc. Và cũng vì lẽ này, tinh thần Phật giáo được lan truyền và nhiều người đến với Phật giáo.

Chính tại thành phố Huế này, trong và ngoài Thành nội có hàng chục ngôi chùa. Mà chính những ngôi chùa này toàn do Cư sĩ quản lý. Chư Tăng khi nào có lễ lượt mới về thuyết kinh, giảng dạy giáo pháp, còn bình thường thì Cư sĩ quản lý để đến tụng niệm, tu học. Đến các làng ở thôn quê bây giờ hầu như làng nào cũng có chùa, có làng đến ba hoặc bốn ngôi chùa. Cũng như miền Bắc nước ta, nhưng miền Bắc phần nhiều chùa lớn, chứ không nhiều khắp xã thôn như ở Thừa Thiên-Huế.

Như vậy điều đó đã nói lên cái gì? Nói lên sự ảnh hưởng của đạo Phật đối với dân chúng, và cũng nói lên cái tinh thần dân chúng đi đến với đạo Phật. họ thấy được cái hay, cái an tâm, cái vui thích cho họ thì họ mới đến với đạo Phật. Bởi vì đạo Phật truyền bá không có gì hơn, không đem tiền bạc, của cải; không đem sức mạnh để truyền, mà chỉ truyền bằng giáo lý, truyền bằng đạo đức; truyền bằng tinh thần cởi mở, vị tha, hỷ xả của đức Phật mà thôi.

Trước đây, có một ông Đốc học ở tỉnh Tiền Giang dẫn một đoàn học sinh ra thăm Huế. Sau khi đã thăm viếng một số cảnh chùa, khi đến đây, ông nói với tôi: "Đi đến chùa rồi, tôi thấy đây là một chỗ tắm gội linh hồn của dân thành phố".

Tại sao ông ta có thể nói như vậy? Bởi vì con người sống giữa thành phố với giành giựt, với hơn thua, bon chen... đủ thứ, lâu lâu họ đến chùa một lần, tâm hồn họ sẽ gột rửa bớt đi, sạch bớt đi. Đó là một lời cảm nhận rất sâu sắc. Tất cả chúng ta đều biết vậy. Chúng ta đi vào một chỗ toàn mùi hôi thối, khi đi ra tự nhiên y phục, da thịt của chúng ta cũng đượm mùi hôi thối. Đi vào một rừng hương thơm thì khi đi ra tự nhiên y phục da thịt ta cũng thơm. Đó là một hiện tượng tự nhiên. Đến với đạo Phật có được sự bình an, cởi mở thì cũng là lẽ tự nhiên.

Tục ngữ có câu:

"Kiếp xưa hẵn có nhân duyên,
Thình thoảng ai dễ chóng thuyên đến đây".

Hôm nay tôi và các bạn gặp nhau để nói chuyện Phật hẵn đã phải có nhân duyên từ trước. Mong rằng việc gặp gỡ này của chúng ta sẽ lưu lại trong lòng những thiện cảm tốt giữa các bạn và chùa. Tôi xin chúc các bạn luôn luôn tinh tiến, đồng mãnh và thành tựu sự nghiệp của mình.

Từ Đàm, một buổi chiều

---o0o---

HẾT